

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
số 35/2003/QĐ-BNV ngày 20/6/2003
về việc phê duyệt bản Điều lệ
(sửa đổi) của Liên hiệp các tổ
chức hữu nghị Việt Nam.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

*Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957
quy định về quyền lập Hội;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày
09/5/2003 của Chính phủ về việc quy định chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Nội vụ;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức
hữu nghị Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức
phi Chính phủ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III ngày 27 tháng 4 năm 2003 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Thứ trưởng

ĐẶNG QUỐC TIẾN

**ĐIỀU LỆ Liên hiệp các tổ chức hữu
nghị Việt Nam.**

Chương I

TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Tiếng Anh: Vietnam Union of Friendship Organizations.

Điều 2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về công tác vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh cho hòa bình và phát triển, mở rộng quan hệ đoàn kết, hữu nghị, thúc đẩy hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới và các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài.

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hiệp thương nhất trí và tuân thủ pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản.

Trụ sở của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đặt tại Hà Nội.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có nhiệm vụ:

1. Tiến hành các hoạt động nhằm:

a) Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, củng cố và phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị, cổ

vũ và hỗ trợ sự hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước.

b) Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam.

c) Ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước; góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội.

2. Làm đầu mối phối hợp vận động, điều phối viện trợ của các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, các tổ chức phi Chính phủ và cá nhân nước ngoài nhằm góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội và cứu trợ nhân đạo.

3. Tham gia nghiên cứu các vấn đề quốc tế và tổ chức nghiên cứu về các đối tác của Liên hiệp làm cơ sở cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và có các kiến nghị với Nhà nước và các tổ chức liên quan.

4. Hướng dẫn các tổ chức thành viên trong hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác quốc tế và vận động, điều phối viện trợ phi Chính phủ.

Điều 6. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có quyền:

1. Thiết lập các mối quan hệ hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với các tổ chức tương ứng, các tổ chức phi Chính phủ, cá nhân ở nước ngoài; được cử các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đề nghị với các cơ quan chức năng về việc quyết định cử các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và viện trợ phi Chính phủ đối với các tổ chức thành viên của địa phương.

3. Quan hệ trực tiếp với các Bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội Trung ương và Ủy ban nhân dân địa phương để giải quyết các

công việc của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

4. Tham gia ý kiến trong việc xây dựng các chủ trương, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác đối ngoại nhân dân và được cung cấp thông tin theo quy định.

5. Kiến nghị với Chính phủ và Ủy ban nhân dân địa phương trong việc thành lập hoặc giải thể các tổ chức hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị.

6. Thực hiện một số nhiệm vụ do Chính phủ giao.

Chương III

TỔ CHỨC THÀNH VIÊN

Điều 7.

1. Thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam gồm:

a) Các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị toàn quốc.

b) Liên hiệp các tổ chức hữu nghị hoặc tổ chức có tính chất tương tự ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Các tổ chức trên được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động phù hợp với Điều lệ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Điều 8. Các tổ chức thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có nghĩa vụ:

1. Chấp hành Điều lệ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, tuân thủ sự hướng dẫn về chủ trương, phương hướng hoạt động và chịu sự kiểm tra của Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

2. Thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động đối ngoại nhân dân của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; phối hợp và giúp đỡ các tổ chức thành viên khác trong hoạt động;

3. Đóng góp vào quỹ hoạt động chung của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam theo khả năng của mình.

Điều 9. Các tổ chức thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có quyền:

1. Cử đại diện vào cơ quan lãnh đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

2. Tham gia xây dựng và thông qua các phương hướng, chương trình và kế hoạch hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

3. Được Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam giúp đỡ, tạo điều kiện trong hoạt động như thông tin, đào tạo cán bộ.... và bảo vệ các quyền lợi chính đáng của thành viên.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 10. Cơ quan lãnh đạo của Liên hiệp gồm:

1. Đại hội Đại biểu toàn quốc.
2. Đoàn chủ tịch.
3. Ban Thường vụ.

Điều 11. Đại hội Đại biểu toàn quốc của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là cơ quan lãnh đạo cao nhất, được triệu tập năm năm một lần với sự tham gia của các thành viên thuộc Đoàn Chủ tịch Liên hiệp và đại biểu của các tổ chức thành viên.

Đại hội Đại biểu toàn quốc có các nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thông qua báo cáo công tác của Đoàn Chủ tịch, thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

2. Thông qua Điều lệ sửa đổi;

3. Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch nhiệm kỳ trước.

Điều 12. Đoàn Chủ tịch là cơ quan lãnh đạo

của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội Đại biểu toàn quốc.

1. Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Chủ tịch của tất cả các tổ chức thành viên và một số cá nhân tiêu biểu.

2. Đoàn Chủ tịch mỗi năm họp một lần. Theo đề nghị của Chủ tịch, Đoàn Chủ tịch có thể họp bất thường hoặc mở rộng.

3. Hội nghị Đoàn Chủ tịch có các nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo của Ban Thường vụ; quyết định chương trình và kế hoạch hoạt động hàng năm giữa hai kỳ hội nghị Đoàn Chủ tịch;

b) Thông qua số lượng, danh sách Ban Thường vụ và thay đổi nhân sự Ban Thường vụ theo đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp;

c) Đoàn Chủ tịch triệu tập Đại hội Đại biểu toàn quốc bất thường khi có ít nhất 2/3 các tổ chức thành viên yêu cầu.

Điều 13. Ban Thường vụ là cơ quan chỉ đạo hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam giữa hai kỳ họp của Đoàn Chủ tịch.

1. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký.

2. Ban Thường vụ có nhiệm vụ:

a) Cụ thể hóa các quyết định của Đoàn Chủ tịch và tổ chức chỉ đạo thực hiện các quyết định đó; hướng dẫn thực hiện Điều lệ của Liên hiệp.

b) Kiểm tra việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

c) Chuẩn bị nội dung cho hội nghị Đoàn Chủ tịch;

d) Thông qua chức năng, nhiệm vụ và danh sách Ban Thư ký theo đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

e) Quyết định công nhận hoặc không công

nhận, khen thưởng và kỷ luật các tổ chức thành viên;

3. Ban Thường vụ họp sáu tháng một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường.

Điều 14. Ban Thư ký là bộ máy giúp Ban Thường vụ tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và chuẩn bị nội dung cho hội nghị các cơ quan lãnh đạo.

Ban Thư ký gồm: Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký và một số ủy viên.

Điều 15. Cơ quan thường trực của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam do Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đứng đầu. Cơ cấu của cơ quan thường trực gồm văn phòng, các ban khu vực, các ban chức năng và các đơn vị trực thuộc.

Cơ quan thường trực của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có trách nhiệm giúp Chủ tịch tổ chức mọi hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Chương V

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 16. Tài sản và tài chính của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam gồm:

1. Nguồn do ngân sách nhà nước cấp.
2. Các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tài sản và tài chính của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được quản lý và sử dụng theo luật pháp của Nhà nước và các quy định của Chính phủ.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 17. Những tổ chức thành viên và cá nhân

có nhiều đóng góp cho việc thực hiện tôn chỉ, mục đích và hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng.

Tổ chức thành viên và cá nhân vi phạm Điều lệ, tùy theo mức độ sẽ bị kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ đối với cá nhân và xóa tên đối với tổ chức thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Chỉ có Đại hội Đại biểu toàn quốc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam mới có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 19. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ phê chuẩn./.

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 83/2003/QĐ-BTC ngày 17/6/2003 về việc ban hành biểu mức thu lệ phí cấp hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường Hoa Kỳ.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày

09673939

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft